

Cẩm Phả, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**THÔNG BÁO**

V/v mời báo giá hàng hóa phục vụ KSK công ty than Khe Chàm, tuyển  
than của ông, Dương Huy

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài Chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Để có căn cứ lập dự toán, xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh quan tâm gửi báo giá hàng hóa theo danh mục, số lượng cụ thể như sau:

Stt	Nội dung hàng hóa	Đơn vị	Số lượng
1	<b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose</b> <b>Thông số kỹ thuật :</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP ≥ 2,0 mmol/L, Hexokinase ≥ 0,59 kU/L, G6P-DH ≥ 1,58 kU/L <b>Quy cách : 4x25ml+4x12.5ml</b>	Hộp	06
2	<b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen</b> <b>Thông số kỹ thuật :</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP ≥ 2,0 mmol/L, Hexokinase ≥ 0,59 kU/L, G6P-DH ≥ 1,58 kU/L <b>Quy cách : 4x25ml+4x12.5ml</b>	Hộp	02

3	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 <math>\mu\text{mol/L}</math> ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.  <b>Quy cách :</b> 4x51ml+4x51ml</p>	Hộp	05
4	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC.  Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH <math>\geq 0.9</math> kU/L; MDH <math>\geq 0.6</math> kU/L; NADH 0.20 mmol/L;  <b>Quy cách :</b> 4x6ml+4x6ml</p>	Hộp	20
5	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH <math>\geq 1.8</math> kU/L; NADH 0.20 mmol/L;  <b>Quy cách :</b> 4x12ml+4x6ml</p>	Hộp	20
6	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC.  Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L-<math>\gamma</math>-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L  <b>Quy cách :</b> 4x40ml+4x40ml</p>	Hộp	03
7	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  dải đo: 89-1785 <math>\mu\text{mol/L}</math> ; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Uricase <math>\geq 0.25</math> kU/L (4.15 <math>\mu\text{kat/L}</math>);  <b>Quy cách :</b> 4x30ml+4x12.5ml</p>	Hộp	02
8	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase <math>\geq 0,2</math> kU/L (3,3 <math>\mu\text{kat/L}</math>); Cholesterol oxidase <math>\geq 0,2</math> kU/L (3,3 <math>\mu\text{kat/L}</math>);  <b>Quy cách :</b> 4x22.5ml</p>	Hộp	04



9	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng <math>\beta</math>-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL;F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L  <b>Quy cách :</b> 4x51.3ml+4x17.1ml</p>	Hộp	03
10	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;  <b>Quy cách :</b> 4x51.3ml+4x17.1ml</p>	Hộp	03
11	<p><b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần:4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 <math>\mu</math>kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 <math>\mu</math>kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 <math>\mu</math>kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 <math>\mu</math>kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 <math>\mu</math>kat/L);  <b>Quy cách :</b> 4x50ml+4x12.5ml</p>	Hộp	04
12	<p><b>Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm LDL</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL.. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).  <b>Quy cách :</b> 2x1ml</p>	Lọ	01
13	<p><b>Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HDL</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).  <b>Quy cách :</b> 2x3ml</p>	Lọ	01
14	<p><b>Dung dịch rửa hệ thống</b>  <b>Thông số kỹ thuật :</b>  Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%  <b>Quy cách :</b> 1x5L</p>	Can	02

15	<b>Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy</b> <b>Thông số kỹ thuật :</b> Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5% <b>Quy cách : 1x5ml</b>	Lọ	01
16	<b>Hóa chất kiểm cho các xét nghiệm sinh hóa mức 1</b> <b>Thông số kỹ thuật :</b> Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. <b>Quy cách : 1x5ml</b>	Hộp	10
<b>Tổng: 16 danh mục</b>			

*Ghi chú: báo giá ghi rõ các thông tin về chủng loại, cấu hình, tính năng kỹ thuật trang thiết bị, phân loại nhóm, đơn giá cụ thể theo từng mặt hàng...*

- Kính mời các Công ty/đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa nêu trên, báo giá chi tiết theo mẫu báo giá tại **phụ lục đính kèm**.

- Hình thức nhận báo giá: Bằng Văn bản giấy ( Đơn vị quan tâm có thể gửi trước file scan bảng báo giá qua địa chỉ mail).

Địa chỉ nhận báo giá:

+ Địa chỉ hộp thư điện tử: Email: [hcqtbvdkkvcp@gmail.com](mailto:hcqtbvdkkvcp@gmail.com)

+ Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Phòng Hành Chính Quản trị, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả (địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh).

+ Số điện Thoại liên hệ: 02033.950.759

- Thời gian nhận báo giá: từ ngày 27/04/2023 đến hết 10 giờ 00 phút ngày 07/05/2023

Trân trọng cảm ơn./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website: BVĐKKVCP;
- Lưu: VT, HCQT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Thanh**



## PHỤ LỤC

(Kèm thông báo mời chào giá ngày 21/04/2023 của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả)

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh Viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi, Công ty (tên đơn vị)..... có địa chỉ tại: .....; Số điện thoại.....

Căn cứ danh mục hàng hóa đề nghị báo giá của quý cơ quan, chúng tôi báo giá các loại hàng hóa cụ thể như sau:

Sтт	Mã HH	Tên hàng hóa	Tên thương mại, ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, quy cách	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (gồm thuế)	Thành tiền	Phân loại, phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT
1											
2											
3											
4											
5											
6											

**Ghi chú:** Giá báo giá là giá hàng mới 100% đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác, giao hàng tại kho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả.

Báo giá này có hiệu lực :.....ngày, kể từ ngày báo giá

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ**

(ký tên, đóng dấu)